

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành đối với những người có mặt tại phiên hoà giải và đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày người vắng mặt tại phiên họp nhận được biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Phạm Xuân M, Sinh năm: 1952

Nơi thường trú và cư trú: Số 10 ngõ 1D, phố Tr Qu Di, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Xuân M: Ông Nguyễn Ngọc Thái – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Thuận Phong.

Địa chỉ: Số 449, đường Lê Quý Đôn, tổ 9, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

***Bị đơn:** Ông Phạm Văn M1, Sinh năm: 1947

Nơi thường trú: Xóm N Gi, thôn Ph, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Ph N, xã M Ph, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1949

Nơi thường trú và cư trú: Xóm Đ H, thôn Ph, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1950

Nơi thường trú và cư trú: Xóm 2, xã L H, huyện Ph R, tỉnh Bình Phước

3. Ông Phạm Xuân Tr, sinh năm: 1960

Nơi thường trú và cư trú: Xóm Đ B 3, xã Th A, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1951

Nơi thường trú: Xóm N G, thôn Ph, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện tại: Thôn P N, xã M Ph, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

5. Bà Vũ Thị Ng, sinh năm: 1960

Nơi thường trú và cư trú: Xóm Đ B 3, xã Th A, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống:

Cụ Phạm Văn Ch (đã chết ngày 19/12/1994); cụ Phạm Thị Nh (đã chết ngày 07/07/1973). Cụ Ch và cụ Nh sinh được 05 người con chung là các ông bà: Phạm Xuân M, ông Phạm Văn M1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T và ông Phạm Xuân Tr. Ngoài ra các cụ Ch, cụ Nh không có con riêng, con nuôi, không phải cấp dưỡng cho ai theo quy định của pháp luật. Các cụ chết không để lại di chúc, không để lại bất cứ nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế phải thực hiện.

2.2 Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Ch và cụ Phạm Thị Nh gồm:

- Thừa đất số 124, tờ bản đồ 17, bản đồ 2017 tại thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình có diện tích theo đo đạc hiện trạng ngày 17/4/2025 là 254,4m² (trong đó: đất ở có diện tích là 199,5m², diện tích ao đã được đôn lấp thành thổ là 54,9m²). Trên đất có các tài sản của vợ chồng ông Phạm Văn M1 và bà Nguyễn Thị L2 tạo dựng gồm: 01 ngôi nhà diện tích 50,8m², công trình phụ, bể nước, bếp, sân gạch đỏ, cổng, tường bao, 01 móng nhà và 01 cây nhãn;

- Thừa đất số 125, tờ bản đồ 17, bản đồ 2017 tại thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình có diện tích theo đo đạc hiện trạng ngày 17/4/2025 là 125,8m² (trong đó: đất ở có diện tích là 75,5m², diện tích ao đã được đôn lấp thành thổ là 50,3m²). Trên đất có các tài sản của vợ chồng ông Phạm Xuân Tr và bà Vũ Thị Ng tạo dựng gồm: nhà mái bằng gác lửng diện tích 39,9m², công trình phụ khép kín, bếp, bể nước, sân bê tông, sân gạch đỏ, cổng, tường bao, 01 cây hoa ban.

- Về diện tích ruộng: Cụ Phạm Văn Ch được giao 01 khẩu theo Quyết định 652 của UBND tỉnh, diện tích 402m² sau khi đã trừ đi diện tích đắp bờ là 48m² (diện tích này được giao chung tại thửa số 571, tờ bản đồ số 6 tại xứ đồng Đít Đó giao chung với tiêu chuẩn ruộng của 4 con ông Phạm Xuân Tr), và 49m² ở thửa Mạ.

3. Các đương sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như sau:

3.1. Bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị T từ chối nhận di sản và đề nghị giao phần di sản bà Lý, bà Tĩnh được hưởng cho 03 ông Phạm Văn M1, Phạm Xuân M và Phạm Xuân Tr

3.2. Ông Phạm Xuân Tr được quản lý sử dụng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17 thuộc thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, có diện tích 125,8m² trong đó có 75,5m² đất ở và 50,3m² đất cây lâu năm (ao đã được đôn thành thổ)

Ông Trình được sử dụng các công trình xây dựng trên phần diện tích đất được giao gồm: nhà mái bằng gác lửng có diện tích 39,9m², 10,7m² công trình phụ, 01 bếp diện tích 8,1m², 01 bể nước 3,6m², 01 sân bê tông có diện tích 13,4m², 01 sân gạch đỏ diện tích 34,6m², 01cổng, toàn bộ tường bao trên phần diện tích được giao và 01 cây hoa ban.

Ranh giới phần diện tích đất giao cho ông Trình là đường nối các điểm: từ 4-5-6-7-8-9-26-25-24-23-22-21-20-4.

3.3. Ông Phạm Văn M1 được quản lý sử dụng một phần diện tích thửa đất số 124, tờ bản đồ số 17 thuộc thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình có diện tích 147,8m² trong đó có 126 m² đất ở và 21,8 m² đất trồng cây lâu năm (đất ao đã đôn thành thổ)

Ông Mộc được sử dụng các công trình trên phần diện tích được giao gồm: 01 Nhà mái bằng (trên có mái tôn chống nóng) diện tích 50,8m², 01bể nước 4,5m², 01 nhà công trình phụ diện tích 5,1m², 01 móng nhà xây, 01 phần sân, tường bao trên phần diện tích đất được giao.

Ranh giới phần diện tích đất giao cho ông Mộc là đường nối các điểm: 1-2-10A-10B-10-11-12-13-14-15-16-17-18-1.

3.4. Ông Phạm Xuân M được quản lý sử dụng 106,6 m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 17 trong đó có 73,5m² đất ở, 33,1m² đất cây lâu năm (đất ao đã được đôn thành thổ).

Ông Mạc được sử dụng các công trình trên phần diện tích đất được giao gồm: 01 phần diện tích sân gạch đỏ và sân bê tông, được sở hữu 01bếp (lợp mái bờ rô); 01 cổng, một phần tường bao do ông Mộc xây dựng và 01 cây nhãn được trồng trên phần diện tích đất được giao.

Ranh giới phần diện tích đất giao cho ông Mạc là đường nối các điểm: 10A-10B-9-8-7-6-5-4-3-10A

(Có sơ đồ đo đạc, vị trí, tọa độ các điểm kèm theo)

3.5. Ông Phạm Xuân M và ông Phạm Xuân Tr mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Phạm Văn M1 và bà Nguyễn Thị L2 số tiền

30.000.000 đồng tiền ông Mộc, bà Lân đã xây bếp, làm sân và đôn lấp ao trên phần diện tích đất giao cho ông Mạc, ông Trình.

3.6. Ông Phạm Văn M1 được quản lý, sử dụng toàn bộ tiêu chuẩn ruộng cơ bản của cụ Phạm Văn Ch là 402m² (sau khi đã trừ diện tích đắp bờ). Diện tích ruộng này được giao chung với tiêu chuẩn ruộng của 04 người con của ông Phạm Xuân Tr giao tại thửa số 571, tờ bản đồ số 6 tại xứ đồng Đít Đót, và 49m² ở thửa Mạ.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

5. Về chi phí tố tụng: Ông M phải chịu 5.334.000 đồng, ông M1, ông Tr phải chịu 5.333.000 đồng;

Ông M và ông Tr mỗi người phải hoàn trả cho ông Mạc số tiền 5.333.000 đồng chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án, thì phải chịu lãi cho người được thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền, thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

8. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Đông Hưng;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Hà Thị Nhung